

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/DS - ST
Ngày: 28 – 9 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Ông Trần Đình Sang

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A VN (A); địa chỉ: Số 2 LH - phường TC – quận BĐ – thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc L – Phó giám đốc Ngân hàng A VN chi nhánh QT, tỉnh QB (Được ủy quyền theo Quyết định ủy quyền về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 từ ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc) địa chỉ: Số 48 QT, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thế N, sinh năm: 1983 và chị Lại Thị Thanh V, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn MC, xã BN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị V có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng A VN chi nhánh QT QB (A Chi nhánh QT QB) đã ký kết hợp đồng tín dụng với người đại diện là anh Phạm Thế N (người thừa kế là chị Lại Thị Thanh V), các hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số: 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015 ký kết giữa A Chi nhánh QT QB và anh Phạm Thế N – chị Lại Thị Thanh V, người đại diện là anh Phạm Thế N. Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung lưới vây đánh bắt hải sản. Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày 26/8/2015; kỳ hạn trả nợ gốc: 05 kỳ (Ngày 26/8/2016: 100.000.000 đồng, ngày 26/8/2017: 100.000.000 đồng, ngày 26/8/2018: 150.000.000 đồng, ngày 26/8/2019: 200.000.000 đồng, ngày 26/8/2020: 450.000.000 đồng); kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 26; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, trường hợp lãi suất cho vay thay đổi thì A Chi nhánh QT QB có quyền điều chỉnh tăng giảm tương ứng và được ghi vào phụ lục hợp đồng tín dụng. Ngày 01/3/2016, A Chi nhánh QT QB có thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay từ 9%/năm lên 9,5%/năm. Mức lãi suất theo tháng là 30 ngày, theo năm là 360 ngày; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay.

Ngày 27/8/2018, A Chi nhánh QT QB đã ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26/8/2015 với anh Phạm Thế N (người thừa kế chị Lại Thị Thanh V với nội dung: Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4 tại Hợp đồng như sau: Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày 26/8/2015 đến ngày 26/8/2020 nay gia hạn thêm 24 tháng đến ngày 26/8/2022. Số tiền vay 766.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ gốc: 4 kỳ (ngày 26/8/2019: 170.000.000 đồng, ngày 26/8/2020: 180.000.000 đồng, ngày 26/8/2021: 190.000.000 đồng, ngày 26/8/2022: 226.000.000 đồng). Kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 26.

Sau khi ký kết hợp đồng anh N, chị V đã nhận đủ số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N, chị V đã thanh toán được số tiền gốc 332.000.000 đồng (ngày 29/8/2016 là 60.000.000 đồng, ngày 05/9/2016 là 40.000.000 đồng, ngày 01/9/2017 là 100.000.000 đồng, ngày 28/8/2018 là 34.000.000 đồng, ngày 10/10/2019 là 10.000.000 đồng, ngày 15/10/2019 là 88.000.000 đồng), tiền lãi là 182.750.417 đồng đến ngày 19/12/2017. Do đến ngày 26/8/2016 đến kỳ hạn trả tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng anh N, chị V đã không thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết nên đã phát sinh quá hạn từ ngày 27/8/2016. Dư nợ tính đến ngày 28/09/2020 là: 893.920.028 đồng, trong đó: Nợ gốc: 668.000.000 đồng, nợ lãi: 225.920.028 đồng (nợ lãi trong hạn: 210.007.528 đồng; nợ lãi quá hạn: 15.912.500 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19 tháng 05 năm 2017 ký kết giữa A Chi nhánh QT QB và anh Phạm Thế N (đại diện do chị Lại Thị Thanh V ký kết hợp đồng vay vốn theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2017). Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Trả tiền mua lưới đánh bắt hải sản. Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày 19/5/2017; kỳ hạn trả nợ gốc: 05 kỳ (ngày 19/5/2018: 80.000.000 đồng, ngày 19/5/2019: 100.000.000 đồng, ngày 19/5/2020: 100.000.000 đồng, ngày 19/5/2021: 100.000.000 đồng, ngày 19/5/2022: 120.000.000 đồng); kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 19; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, mức lãi suất theo tháng là 30 ngày, theo năm là 360 ngày; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng anh N đã nhận đủ số tiền cho vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày 31/5/2018 anh N đã thanh toán được số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 51.753.425 đồng. Đến ngày 19/5/2018 đến kỳ hạn trả gốc 80.000.000 đồng nhưng anh N đã không thực hiện theo nghĩa vụ đã ký kết trong hợp đồng và đã phát sinh quá hạn từ ngày 21/5/2018. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 526.654.794 đồng, trong đó: nợ gốc: 420.000.000 đồng; nợ lãi: 106.654.794 đồng (nợ lãi trong hạn: 80.476.712 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.178.082 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017 ký kết giữa A Chi nhánh QT QB và anh Phạm Thế N (đại diện cho chị Lại Thị Thanh V ký kết hợp đồng vay vốn theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2017). Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Trả tiền công đánh bắt hải sản. Phương thức cho vay: Từng lần. Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên giải ngân đến ngày 07/9/2018; kỳ hạn trả nợ gốc: ngày 07/9/2018; kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 07; trường hợp ngày cuối cùng phải trả gốc, lãi trùng vào ngày lễ/ngỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/năm.

Ngày 06/9/2018, A Chi nhánh QT QB đã ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017 với anh Phạm Thế N với nội dung: Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 4 tại Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017 như sau: Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 07/9/2017 đến ngày 07/9/2018 nay gia hạn thêm 12 tháng đến ngày 07/9/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng anh N đã nhận đủ số tiền cho vay trên. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N, chị V đã thanh toán được số tiền lãi vào ngày 19/12/2017 là: 2.864.384 đồng. Đến ngày 07/9/2018 đến kỳ hạn trả gốc 100.000.000 đồng, anh N, chị V đã không thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết và đã phát sinh quá hạn từ ngày 10/9/2019. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 127.654.109 đồng; trong đó: nợ gốc:

100.000.000 đồng, nợ lãi: 27.654.109 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.205.479 đồng; nợ lãi quá hạn: 13.448.630 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01 tháng 06 năm 2018 ký kết giữa A Chi nhánh QT QB và anh Phạm Thế N với số tiền vay là 80.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: Tu sửa tàu đánh bắt hải sản. Phương thức cho vay: từng lần. Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên giải ngân đến ngày 01/6/2019; kỳ hạn trả nợ gốc ngày 01/6/2019; kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 01; trường hợp ngày cuối cùng phải trả gốc, lãi trùng vào ngày lễ/ngỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng anh N đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nên khoản vay đã phát sinh quá hạn từ ngày 04/6/2019. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 99.156.165 đồng, trong đó: nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi: 19.156.165 đồng (nợ lãi trong hạn: 6.452.603 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.703.562 đồng).

Tổng dư nợ của 4 Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày 28/09/2020 là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay của mình anh N, chị V đã thế chấp tài sản theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 62/2015/10TD ký kết ngày 26 tháng 08 năm 2015 giữa A Chi nhánh QT QB (Bên nhận thế chấp) và anh Phạm Thế N – chị Lại Thị Thanh V (Bên thế chấp). Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 40/2017/10TD ngày 17/05/2017 giữa A Chi nhánh QT QB (Bên nhận thế chấp) và anh Phạm Thế N – chị Lại Thị Thanh V (Bên thế chấp). Tài sản bảo đảm đã được Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 27/08/2015. Tài sản thế chấp là: Tàu đánh cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 91269-TS; do Chi Cục KT & BVNL Thủy Sản QB cấp ngày 14 tháng 03 năm 2014; số vào sổ ĐKTCQG số: BN 245 ngày 14 tháng 03 năm 2014. Chủ tàu là Phạm Thế N; cơ quan đăng ký: Chi cục KT&BVNL Thủy sản QB; loại tàu: Đánh cá; công dụng: Khai thác TS; năm đóng 2011; các tài sản khác như: Ngư lưới cụ, máy phụ, các thiết bị khác ... đều thuộc tài sản thế chấp. Giá trị tài sản bảo đảm: 2.000.000.000 đồng.

Về tình trạng tài sản bảo đảm: Theo Ngân hàng được biết qua trình bày của anh N, chị V và qua xác minh của Tòa án thì anh Phạm Thế N đã bán tàu cá, sau đó cùng các đồng phạm dùng tàu cá để vượt biên sang U, khi đến nơi đã đánh chìm tàu để tránh bị cơ quan chức năng U phát hiện. Tuy nhiên, sau khi lên bờ thì anh N cùng đoàn vượt biên đã bị cảnh sát U phát hiện, bắt giữ và trục xuất về Việt Nam trong các ngày 04 và

08 tháng 09 năm 2018. Hiện tại anh Phạm Thế N đang chấp hành án phạt tù theo Bản án số 147/2020/HS-PT ngày 10/06/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tàu cá được xác định là không thể đưa được trở về cho chủ tàu và do đó đã bị tiêu hủy theo luật pháp U. Phía U đã gửi trả bộ phận định vị cho chủ tàu gồm: XINO HM-1512 và HAIYANG HGP-320. Vì vậy, Ngân hàng và qua trình bày của anh N, chị V nhận thấy bộ phận định vị trên đã hư hỏng nặng không thể sửa chữa và không còn giá trị nên không đề nghị xử lý đối với bộ phận định vị nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng các khoản vay của anh N, chị V theo Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26/8/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 27/8/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26/8/2015; Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19/5/2017; Hợp đồng tín dụng 102/2017/HĐTD ngày 07/09/2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017; Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01/06/2018 tất cả các hợp đồng đều phát sinh nợ quá hạn, anh N, chị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. A Chi nhánh QT QB đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh N, chị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và yêu cầu anh N, chị V thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 62/2015/10TD ngày 26/08/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 40/2017/10TD ngày 17/05/2017. Tuy nhiên, tính đến nay, anh N, chị V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý nợ, thu hồi nợ của A.

Vì vậy, để thu hồi khoản vay nợ nói trên A thông qua A Chi nhánh QT QB yêu cầu anh Phạm Thế N và bà Lại Thị Thanh V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 28/09/2020 là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng). Từ ngày 29/9/2020 đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết. Trường hợp anh N, chị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh QT QB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo mà anh N, chị V bổ sung thay cho tàu cá để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thay thế không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào

thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh N, chị V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của bị đơn anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V tại bản tự khai và tại phiên tòa chị V trình bày:* Anh, chị thừa nhận có vay tại Ngân hàng A thông qua A Chi nhánh QT QB; người đại diện là anh Phạm Thế N (người thừa kế là chị Lại Thị Thanh V) đã ký kết các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 27/8/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26/8/2015. Sau khi ký kết hợp đồng anh N, chị V đã nhận đủ số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N, chị V đã thanh toán được số tiền gốc 332.000.000 đồng và tiền lãi là 182.750.417 đồng đến ngày 19/12/2017. Dư nợ tính đến ngày 28/09/2020 là: 893.920.028 đồng, trong đó: Nợ gốc: 668.000.000 đồng, nợ lãi: 225.920.028 đồng (nợ lãi trong hạn: 210.007.528 đồng; nợ lãi quá hạn: 15.912.500 đồng).

2. Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19 tháng 05 năm 2017. Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày 31/5/2018 anh, chị đã thanh toán được số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 51.753.425 đồng. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 526.654.794 đồng, trong đó: nợ gốc: 420.000.000 đồng; nợ lãi: 106.654.794 đồng (nợ lãi trong hạn: 80.476.712 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.178.082 đồng).

3. Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017. Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N, chị V đã thanh toán được số tiền lãi vào ngày 19/12/2017 là: 2.864.384 đồng. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 127.654.109 đồng; trong đó: nợ gốc: 100.000.000 đồng, nợ lãi: 27.654.109 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.205.479 đồng; nợ lãi quá hạn: 13.448.630 đồng).

4. Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01 tháng 06 năm 2018. Số tiền cho vay: 80.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nên khoản vay đã phát sinh quá hạn từ ngày 04/6/2019. Dư nợ đến ngày 28/09/2020 là: 99.156.165 đồng, trong đó: nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi: 19.156.165 đồng (nợ lãi trong hạn: 6.452.603 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.703.562 đồng).

Mục đích anh, chị sử dụng tiền vay là: Tu sửa tàu đánh bắt hải sản, mua lưới phục vụ việc đánh bắt hải sản. Quá trình vay vợ chồng anh, chị đã trả cho Ngân hàng một ít tiền gốc và lãi tại các Hợp đồng tín dụng như trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn khó khăn nên không có thu nhập bản thân anh N do vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án nên vợ chồng anh chị chưa trả được cho Ngân hàng, vì thế các

khoản vay của anh chị tại các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đều đã quá hạn do anh chị vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả tổng số tiền gốc và lãi còn lại của 4 Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày 28/09/2020 là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng), từ ngày 29/9/2020 đến khi trả hết số nợ gốc, hàng tháng anh chị còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung đã ký kết. Ý kiến của anh N, chị V trong bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị V hoàn toàn nhất trí như yêu cầu của Ngân hàng nhưng anh chị đề nghị phương án trả nợ là trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Cho đến khi anh N mãn hạn tù về lao động và vợ chồng anh chị sẽ trả dần số tiền vay còn nợ cho ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng: Về trường hợp anh chị không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh QT QB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo mà anh chị bổ sung thay cho tàu cá để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thay thế không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh chị để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, chị V nhất trí như ý kiến của Ngân hàng và sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho anh N.

Về tài sản thế chấp là tàu cá: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 91269-TS; do Chi Cục KT & BVNL Thủy Sản QB cấp ngày 14 tháng 03 năm 2014; số vào sổ ĐKTCQG số: BN 245 ngày 14 tháng 03 năm 2014. Giá trị tài sản bảo đảm: 2.000.000.000 đồng, theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký kết giữa vợ chồng anh chị và Ngân hàng. Tài sản bảo đảm đã được Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 27/08/2015. Nhưng vì thiếu hiểu biết, nhận thức pháp luật hạn chế, bạn bè cù rũ nên anh Nhân đã có thỏa thuận miệng bán tàu cá cho những người khác. Sau đó tàu vượt biên sang nước U và hiện nay đang bị thu giữ tại nước U. Nay tài sản thế chấp đã bị tiêu hủy tại nước U, anh chị được trả lại 02 định vị là XINO HM-1512 và HAIYANG HGP-320, hiện 02 định vị đã bị oxy hóa, hư hỏng nặng không sử dụng được. Nên vợ chồng anh chị xin trả số tiền nợ tại các hợp đồng tín dụng và anh, chị sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về tài sản thế chấp.

Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành: Tại các phiên hòa giải ngày 29/6/2020 và ngày 24/7/2020 hai bên đương sự chỉ thống nhất được số tiền nợ gốc và lãi, không thống nhất được thời gian trả nợ, nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V có địa chỉ thường trú tại xã BN, thành phố H nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật: Triệu tập các đương sự đến để viết bản tự khai, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải các bên đương sự chỉ thống nhất được số tiền nợ gốc và lãi, không thống nhất được thời gian trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án án phía bị đơn trình bày tài sản là tài sản thế chấp mang số hiệu QB 91269 TS do anh Phạm Thế N là chủ hữu, quá trình sử dụng tài sản anh N đã vi phạm pháp luật và tài sản đã bị tiêu hủy. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 35, Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 119, 317, 318, 320, 322, 323, 385, 398, 401, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 28/09/2020 là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng), từ ngày 29/9/2020 đến khi trả hết số nợ gốc, hàng tháng anh chị còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung đã ký kết. Trường hợp anh N, chị V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh QT QB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo mà anh chị bổ sung thay cho tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thay thế không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh chị để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn: anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V có HKTT và hiện đang cư trú tại: Thôn MC, xã BN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngân hàng A VN khởi kiện yêu cầu anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V trả số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng số: 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19 tháng 05 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017; Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01 tháng 06 năm 2018 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành các phiên hòa giải. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải ngày 29/6/2020 và ngày 24/7/2020 hai bên đương sự chỉ thống nhất được số tiền nợ gốc và nợ lãi, không thống nhất được thời gian trả nợ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST- DS ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bị đơn chị Lại Thị Thanh V có đơn xin hoãn phiên tòa vì bận lý do công việc, anh Phạm Thế N vắng mặt. Nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 28/9/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233, 235 BLTTDS. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn đại diện theo ủy quyền của A và bị đơn chị Lại

Thị Thanh V có mặt, còn bị đơn anh Phạm Thế N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thế N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được từ năm 2015 đến năm 2018, vợ chồng anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V, người đại diện anh Phạm Thế N đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam các hợp đồng tín dụng số: 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015, mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung lưới vây đánh bắt hải sản. Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng (tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã gia hạn từ 60 tháng kể từ ngày 26/8/2015 đến ngày 26/8/2020 nay gia hạn thêm 24 tháng đến ngày 26/8/2022); kỳ hạn trả nợ gốc: 05 kỳ; kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 26; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay. Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19 tháng 05 năm 2017, mục đích sử dụng tiền vay: Trả tiền mua lưới đánh bắt hải sản. Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: 05 kỳ; kỳ hạn trả nợ lãi: 3 tháng 1 lần vào ngày 19; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay, lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017, mục đích sử dụng tiền vay: Trả tiền công đánh bắt hải sản; số tiền cho vay: 100.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng (tại Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã gia hạn từ 12 tháng kể từ ngày 07/9/2017 đến ngày 07/9/2018 nay gia hạn thêm 12 tháng đến ngày 07/9/2019); kỳ hạn trả nợ gốc: ngày 07/9/2018; kỳ hạn trả nợ lãi: Định kỳ 3 tháng 1 lần vào ngày 07; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm, lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01 tháng 06 năm 2018, mục đích sử dụng tiền vay: Tu sửa tàu đánh bắt hải sản. Số tiền cho vay: 80.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: ngày 01/6/2019; kỳ hạn trả nợ lãi: Định kỳ 3 tháng 1 lần vào ngày 01; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng A VN chi nhánh QT QB cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng các khoản vay của anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V theo Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26/8/2015 đã phát sinh quá hạn từ ngày 27/08/2016; Hợp đồng tín dụng số 40/2017 /HĐTD ngày 19/5/2017 đã phát sinh quá hạn từ ngày 21/5/2018; Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/09/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07/9/2017 đã phát sinh quá hạn từ ngày 10/09/2019; Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01/06/2018 đã phát sinh quá hạn từ ngày 04/06/2019. A Chi nhánh QT QB đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu anh N, chị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến nay, anh chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 28/09/2020 anh N, chị V còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng). Ngân hàng A V yêu cầu anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản bảo đảm: Tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QB 91269-TS; do Chi Cục KT & BVNL Thuỷ Sản QB cấp ngày 14 tháng 03 năm 2014; số vào sổ ĐKTCQG số: BN 245 ngày 14 tháng 03 năm 2014. Giá trị tài sản bảo đảm: 2.000.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 62/2015/10TD ký kết ngày 26 tháng 08 năm 2015 giữa A Chi nhánh QT QB (Bên nhận thế chấp) và anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V (Bên thế chấp). Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 40/2017/10TD ngày 17/05/2017 giữa A Chi nhánh QT QB (Bên nhận thế chấp) và anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V (Bên thế chấp). Tài sản bảo đảm đã được Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 27/08/2015.

Quá trình giải quyết theo anh N, chị V trình bày và qua xác minh của Tòa án thì anh Phạm Thế N đã bán tàu cá, sau đó cùng các đồng phạm dùng tàu cá để vượt biên sang U, khi đến nơi đã đánh chìm tàu để tránh bị cơ quan chức năng U phát hiện. Tuy nhiên, sau khi lên bờ thì anh Phạm Thế N cùng đoàn vượt biên đã bị cảnh sát U phát hiện, bắt giữ và trục xuất về Việt Nam trong các ngày 04 và 08 tháng 09 năm 2018.

Ngày 05/8/2020, Tòa án đã có công văn số 04/TB-TA gửi Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình về việc cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến việc tiêu hủy Tàu cá số hiệu QB91269 TS. Theo các tài liệu được cung cấp thì: Ngày

30/11/2018, Đại sứ quán Úc tại Hà Nội có công hàm số 1044-2018 trả lời về việc xử lý chiếc tàu số hiệu QB 91269 TS cụ thể: “ Lực lượng Biên phòng Úc đã xem xét tính khả thi của việc đưa tàu QB 91269 TS về cảng sau khi tàu này bị bắt giữ. Theo Luật Quyền hàng hải năm 2013 của Úc, nếu một chiếc tàu được đánh giá là không đủ điều kiện đi biển hoặc có nguy cơ về an toàn, môi trường hay tính khả thi thấp (trong việc sửa chữa, phục hồi) thì có thể bị tiêu hủy. Tàu QB 91269 TS vì vậy được phía Úc áp dụng theo Quy định tại Luật Quyền hàng hải năm 2013, được xác định là không thể đưa về cho chủ tàu nên đã bị tiêu hủy. Các thiết bị trên tàu QB 91269 TS đã bị phía Úc thu giữ để làm bằng chứng phục vụ quá trình điều tra. Theo Luật Hải quan của Úc, sau khi tiêu hủy tàu, Đại sứ quán đã gửi trả lại kèm theo Công hàm 02 thiết bị định vị (XINO HM-1512 và HAIYANG HGP-320)”. Ngày 26/12/2018 anh Phạm Thế N đã nhận lại 02 thiết bị định vị nói trên. Đến thời điểm hiện nay Ngân hàng và anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V nhận thấy bộ phận định vị trên đã hư hỏng nặng không thể sửa chữa và không còn giá trị, hiện đã bị thất lạc nên không đề nghị xử lý đối với bộ phận định vị nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng tài sản thế chấp là tàu cá QB 91269 TS và các bộ phận kèm theo của tàu không còn và đã bị tiêu hủy, nên không xem xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Xét thấy, tại tiểu mục 3.2.10, mục 3.2 Điều 3 Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/2015/10TD ngày 26/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng với anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V quy định nghĩa vụ của anh N, chị V phải bảo quản an toàn, áp dụng các biện pháp cần thiết kể cả phải ngừng việc khai thác công dụng của tài sản nếu việc tiếp tục khai thác có nguy cơ làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị tài sản thế chấp; nếu làm mất, hư hỏng thì phải sửa chữa khôi phục giá trị, bổ sung tài sản đảm bảo, thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác... Anh N, chị V đã không bảo quản an toàn, giữ gìn tài sản thế chấp, quá trình sử dụng tàu cá anh N đã vi phạm pháp luật, tàu QB 91269TS đã bị phía U áp dụng theo quy định tại Luật Quyền Hàng hải năm 2013 của U, được xác định là không thể đưa được về Việt Nam cho chủ tàu nên đã bị tiêu hủy. Anh N, chị V ngoài việc phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì anh N, chị V phải có trách nhiệm dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì thì Ngân hàng A VN (A) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm khác mà anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V bổ sung thay cho tàu cá để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm khác để thay thế mà không đủ trả nợ cho A thì A thông qua A Chi nhánh QT QB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Phạm

Thế N và chị Lại Thị Thanh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng cộng 3 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là: 1.647.385.096 đồng - 800.000.000 đồng = 847.385.096 đồng x 3% = 25.421.552 đồng + 36.000.000 đồng = 61.421.552 đồng để sung quỹ nhà nước.

Ngân hàng A VN không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A VN số tiền tạm ứng án phí 29.930.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006315 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 317, 318, 320, 322, 323, 385, 398, 401, 463, 465, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A VN (A).

1.1. Buộc anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V phải trả cho Ngân hàng A VN (A) tổng số tiền tại các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/09/2020 là: 1.647.385.096 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.268.000.000 đồng, nợ lãi: 379.385.096 đồng (nợ lãi trong hạn: 311.142.322 đồng; nợ lãi quá hạn: 68.242.774 đồng).

1.2. Từ ngày 29/9/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc gia hạn kỳ hạn của Hợp đồng tín dụng số 2015000062 ngày 26 tháng 8 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 40/2017/HĐTD ngày 19 tháng 05 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 06/9/2018 về việc gia hạn kỳ hạn Hợp đồng tín dụng số 102/2017/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 75/2018/HĐTD ngày 01 tháng 06 năm 2018 được ký kết giữa Ngân hàng A VN (A) và anh Phạm Thế N, chị Lại Thị Thanh V cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.3. Trường hợp anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A VN (A) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm khác mà anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V bổ sung thay cho tàu cá để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm khác để thay thế mà không đủ trả nợ cho A thì A thông qua A Chi nhánh QT QB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn anh Phạm Thế N và chị Lại Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 61.421.552 đồng.

2.2. Ngân hàng A VN không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A VN số tiền tạm ứng án phí 29.930.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006315 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2020). Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Vòng Dương Thị Hồng Liên

Nguyễn Thị Tuyết Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

